

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH RÚT GỌN

**Gói thầu: Mua Monitor sản khoa phục vụ công tác khám bệnh,
chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm năm 2023**

**Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế Cam Lâm
Nguồn vốn: Quỹ đầu tư phát triển của Trung tâm**

*Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-YTCL ngày /7/2023
về việc Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh rút gọn*

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Chương I. Yêu cầu nộp báo giá

Chương II. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương III. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương IV. Dự thảo hợp đồng

MÔ TẢ TÓM TẮT

Chương I. Yêu cầu nộp báo giá

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị báo giá. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, dịch vụ phi tư vấn áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh rút gọn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của yêu cầu báo giá và báo giá.

Bên mời thầu và nhà thầu cần nhập các thông tin vào webform tương ứng phù hợp với gói thầu để lập yêu cầu báo giá, báo giá trên Hệ thống.

Chương III. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này nêu các yêu cầu về kỹ thuật được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Bên mời thầu chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống

Chương IV. Dự thảo hợp đồng

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

Chương này được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word do Bên mời thầu chuẩn bị theo mẫu.

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: **TRUNG TÂM Y TẾ CAM LÂM**

2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia báo giá (*nộp báo giá*) gói thầu: **Mua Monitor sản khoa phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Cam Lâm năm 2023**. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại **Chương III** của bản yêu cầu báo giá này.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

4. Số lượng các mặt hàng thuộc gói thầu: 01 mặt hàng

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Hạch toán tài chính độc lập;

2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

3. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống;

Mục 3. Đơn dự thầu, giá dự thầu và biểu giá

1. Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc theo yêu cầu của yêu cầu báo giá vào các Mẫu trong Chương II.

Trường hợp giá theo hạng mục mà nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục này vào các hạng mục khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với giá đã chào.1

2. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, ứmc phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giá trị giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn dự thầu;
2. Biểu dự thầu theo Mẫu trong Chương II (tùy theo loại gói thầu);
3. Đề xuất kỹ thuật căn cứ quy định tại Chương III.

Mục 5. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Đáp ứng yêu cầu về tư cách hợp lệ;
2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Chương III;
3. Có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (đối với gói thầu xây lắp (nếu có)), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất.
4. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt.

Mục 6. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

Bên mời thầu đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá các báo giá trong 07 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

Mục 7. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương IV.

Mục 8. Giải quyết kiến nghị

Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị bằng văn bản theo địa chỉ sau: Trung tâm Y tế Cam Lâm, địa chỉ: TDP Bãi Giếng Trung, TT Cam Đức, Huyện Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa. Số điện thoại: 0258.3983987. Fax: 0258.3859214.

Chương II. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Bên mời thầu	Nhà thầu
I	Biểu mẫu cho gói thầu mua sắm hàng hóa	Webform		
1	Mẫu số 01A Phạm vi cung cấp hàng hóa và thời gian giao hàng		X	
2	Mẫu số 01B. Các dịch vụ liên quan		X	
3	Mẫu số 02. Bảng tiến độ thực hiện			X
4	Mẫu số 03. Bảng chào giá hàng hóa			X
5	Mẫu số 04. Bảng chào giá các dịch vụ liên quan			X
6	Đơn dự thầu			X

Mẫu số 01A (Webform trên Hệ thống)

PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA VÀ THỜI GIAN GIAO HÀNG

Bên mời thầu điền yêu cầu thời gian giao hàng và liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu.

Yêu cầu về thời gian giao hàng

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm dự án
1	Máy Monitor theo dõi sản khoa	Máy	01	Trung tâm Y tế Cam Lâm
2				
3				
...				

Mẫu số 01B (Webform trên Hệ thống)

CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN(1)

Bên mời thầu liệt kê danh mục các dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ ⁽²⁾
1	Ghi nội dung dịch vụ 1				
2	Ghi nội dung dịch vụ 2				
..					
n	Ghi nội dung dịch vụ n				

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu dịch vụ liên quan thì Bên mời thầu không nhập Biểu này trên Hệ thống. (2) “Ngày hoàn thành dịch vụ” phải hợp lý, phù hợp với “Yêu cầu về thời gian giao hàng” tại Mẫu số 01

Mẫu số 02 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng phù hợp với yêu cầu của Bên mời thầu

STT	Thời gia giao hàng theo yêu cầu của bên mời thầu	Thời gian giao hàng do nhà thầu đề xuất
	Trích xuất từ Mẫu số 01A	

BẢNG CHÀO GIÁ HÀNG HÓA

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ [ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất]	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(7)
	Hàng hóa thứ 1						M1
						
	Hàng hóa thứ n						Mn
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(M)

Ghi chú:

(1) (2) (3) (4): Hệ thống tự trích xuất; (5): Nhà thầu điền

(6): Trường hợp nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê, trường hợp nhà thầu không biết mã HS thì để trống;

(7): Nhà thầu điền;

(8): Hệ thống tự tính.

Mẫu số 04 (Webform trên Hệ thống)

BẢNG CHÀO GIÁ CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

STT	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (3) x (7)
1							
2							
Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							(I)

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5), (6) Hệ thống tự động trích xuất từ Mẫu số 01B Cột (7) nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)). Cột (8) Hệ thống tự động tính

ĐƠN DỰ THẦU (1)

Ngày: [Hệ thống tự động trích xuất]

Tên gói thầu: [Hệ thống tự động trích xuất]

Kính gửi: [Hệ thống tự động trích xuất]

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá, chúng tôi:

Tên nhà thầu: [Hệ thống tự động trích xuất] cam kết thực hiện gói thầu ____ [Hệ thống tự động trích xuất] số E-TBMT: ____ [Hệ thống tự động trích xuất] theo đúng yêu cầu nêu trong yêu cầu báo giá với giá dự thầu (tổng số tiền) là [Hệ thống tự động trích xuất] cùng với bảng chào giá kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là [Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ____ [Hệ thống tự động tính]

(đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của báo giá: [Hệ thống tự động trích xuất]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
3. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu.
5. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
6. Những thông tin kê khai trong báo giá là trung thực.

7. Trường hợp trúng thầu, báo giá tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

8. Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Dự thảo hợp đồng.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp báo giá.

Chương II. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Yêu cầu kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về gói thầu

Tên gói thầu: Mua máy Monitor sản khoa phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm

Bên mời thầu: Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm

Địa điểm thực hiện: TDP Bãi Giếng Trung, TT Cam Đức, Huyện Cam Lâm, Tỉnh Khánh Hòa.

Nguồn vốn: Quỹ đầu tư phát triển của Trung tâm

Loại hợp đồng: Trọn gói.

Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày.

Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Các thông số kỹ thuật dưới đây không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể chào các mặt hàng có tính năng, thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn. Trong trường hợp đó, nhà thầu phải giải trình, chứng minh mặt hàng dự thầu có tính năng, thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn.

BẢNG YÊU CẦU CHI TIẾT VỀ KỸ THUẬT

STT	Danh mục hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy Monitor theo dõi sản khoa	MÁY MONITOR THEO DÕI SẢN KHOA * Thông số kỹ thuật: + Doppler nghe nhịp tim thai - Đầu dò tim thai với chất liệu pha lê - Doppler xung - Tần số doppler: 2.0 Mhz - Cường độ: < 10 mw/cm2 - Dải nhịp tim thai FHR: 50 – 240 nhịp/phút - Cấp chính xác FHR: 0.5% - Hai kênh Doppler - Chống thấm nước (IPx7) + Cơn gò tử cung, UC. - Kiểu bên ngoài - Đáp ứng tần số: DC tới 0,5 Hz - Chỉ dẫn/điều chỉnh điểm không - Dải đo: 0 – 90 đơn vị	Máy	01

	<ul style="list-style-type: none"> - Chống thấm nước (IPx7) + Điện tim thai nhi, FECG (lựa chọn thêm). - Dải FHR: 50 – 240 nhịp/phút - Trở kháng vào: > 10Ω - Dòng dò: < 0,04 uA/V tại tần số 50/60 Hz + Chuyển động thai nhi, FM. - Phương pháp phát hiện ion: Siêu âm - Hai kênh FM + AST (Mô phỏng âm thanh : lựa chọn thêm) - Tính năng rung đánh thức thai nhi + Màn hình hiển thị: - Màn hình màu LCD kích thước lớn 7 inch - Độ phân dải 480x234 - Hiển thị nhịp tim thai - Hiển thị trạng thái đang in - Tốc độ ghi: 1, 2, 3 cm/ phút - Tự động in: 10, 20, 30, 40, 50, 60 cm/ phút - Hiển thị trạng thái pin, nguồn - Hiển thị trạng thái bật/ tắt báo động + Âm thanh. - Nguồn âm Doppler có điều chỉnh âm lượng - Âm thanh HR - Có nút điều chỉnh âm lượng - In kết quả - Lỗi đầu dò - Pin yếu - Giới hạn cao, thấp của DOP I, DOP II, FECG + Máy in. - Máy in cuộn nhiệt - Tốc độ ghi: 1,2,3 cm/phút - Độ tương phản ghi: chế độ 1, 2, 3 - Chu kỳ ghi tự động: 0,10,20,30,40,50,60 phút + Cài đặt - Báo động giá trị cao/ thấp - Ngày, giờ - Độ tương phản in: 1,2,3 - Ngôn ngữ: Anh, Đức, Ý, Pháp, Tây Ban Nha + Hướng: 24 giờ + Chức năng - Đa màn hình: 3 loại 	
--	--	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng MARK (đánh dấu) - Freeze, tham chiếu UC - Phóng to + Giao diện. - Giao diện kết nối Ethenet + Đặc tính môi trường - Nhiệt độ hoạt động: 10 ~ 450C - Nhiệt độ bảo quản: -10 ~ 500C - Độ ẩm hoạt động: Tối đa 35~80%, không ngưng tụ - Độ ẩm bảo quản: Tối đa 20~90%, không ngưng tụ - Áp suất hoạt động: 70~106KPa + Nguồn hoạt động - Nguồn: 100-240VAC, 50/60Hz, khoảng 80 VA - Đầu ra: DC +15V, 3.0A - Sử dụng pin sạc Li-ion: +11.1V, 4.400mAh 		
--	---	--	--

Yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu; nhà thầu có thể chào thầu những hàng hóa có thông số kỹ thuật tốt hơn, đối với quy cách hoặc đóng gói nhà thầu có thể chào quy cách hoặc đóng gói khác miễn sao đáp ứng được khối lượng được sử dụng theo mời thầu tối thiểu.

Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) nhà sản xuất trong E-HSMT (nếu có) chỉ mang tính tham khảo, không phải tiêu chuẩn đánh giá. Vì vậy nhà thầu có thể tham dự hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định hoặc tương đương hoặc tốt hơn so với E-HSMT. Trường hợp thiết bị tương đương hoặc tốt hơn thì nhà thầu phải có tài liệu chứng minh và đảm bảo hàng hóa dự thầu có đặc tính kỹ thuật, có tính năng sử dụng tương đương với các thiết bị yêu cầu.

“Tương đương” có nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với các thiết bị đã nêu trên.

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1 Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa:

Bảng chào đáp ứng thông số kỹ thuật (phần đánh giá về kỹ thuật) theo mẫu tại mục 1.3.3 Chương V. Yêu cầu nhà thầu kê khai đầy đủ thông tin tại các cột và ghi cụ thể trang và tài liệu tham chiếu. Các tài liệu tham chiếu phải được đặt tên file tương ứng để đối chiếu. Nhà thầu phải nộp đồng thời file Excel của tài liệu và bản scan có ký đóng dấu hợp lệ.

Có catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất (cung cấp bản gốc và kèm bản dịch (nếu có)) nêu rõ đối với từng loại hàng hóa:

Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm (theo quy định của nhà sản xuất);

Tên nhà sản xuất;

Thông số kỹ thuật hàng hóa;

Quy cách hàng hóa (nếu có);

Nhà thầu phải đánh dấu (highlight) vào các nội dung cụ thể chứng minh hàng hóa đáp ứng kỹ thuật tại catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật.

* Đối với hàng hóa là trang thiết bị y tế, cung cấp các tài liệu sau:

- Giấy phép/ủy quyền bán hàng hoặc các tài liệu tương đương khác theo quy định.

- Bản phân loại trang thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP.

- Số lưu hành còn hạn hoặc được cấp phép nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

+ Đối với trang thiết bị y tế loại A, B: Phải cung cấp Số công bố và Phiếu tiếp nhận (hoặc Phiếu thông tin) Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế trên Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế (dmecc.moh.gov.vn),

+ Đối với trang thiết bị y tế loại C, D: Phải cung cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế theo quy định. Đối với trang thiết bị y tế không thuộc danh mục phải cấp phép nhập khẩu theo quy định tại Thông tư 30/2015/TT-BYT thì Nhà thầu phải kê khai rõ mặt hàng không thuộc danh mục phải cấp phép nhập khẩu và cung cấp Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (Tờ khai hải quan).

- Số công bố và Phiếu tiếp nhận (hoặc Phiếu thông tin) Hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP.

- Số công bố và Phiếu tiếp nhận (hoặc Phiếu thông tin) hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất đối với trang thiết bị y tế sản xuất trong nước, theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP.

- Giấy chứng nhận nhà sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 (còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu).

- Hàng hóa là trang thiết bị y tế phải được kê khai giá trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế; Giá chào thầu không được cao hơn giá đã kê khai theo quy định tại Khoản 4 Điều 44 Nghị định 98/2021/NĐ-CP. Nhà thầu phải ghi mã kê khai giá tại Bảng danh mục hàng hóa dự thầu theo mẫu tại Mục 1.3.3 Chương V.

* Đối với hàng hóa không phải là trang thiết bị y tế:

- Tài liệu chứng minh đặc tính kỹ thuật của hàng hóa

- Giấy chứng nhận nhà sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 (còn hiệu lực đến thời điểm đóng thầu).

- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

Các yêu cầu khác:

Trong trường hợp cần thiết, nhà thầu phải cung cấp đường link để Bên mời thầu tra cứu, đối chiếu Catalogue, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa;

Các trang thiết bị y tế đã được sản xuất tại Việt Nam hoặc đã được nhập khẩu Việt Nam trước ngày Nghị định số 98/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo Điều 76 Nghị định này.

Các tài liệu nói trên:

+ Nếu là bản sao phải có chứng thực của cơ quan chức năng, nếu tài liệu được cấp trực tuyến thì phải có dấu xác nhận của nhà thầu và nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung

+ Nếu sử dụng bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch sang tiếng Việt Nam và nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác của nội dung dịch thuật khi phát hành. Trong trường hợp có sự sai khác giữa bản dịch và bản gốc thì Bên mời thầu sẽ đánh giá dựa vào bản gốc.

1.3.2 Yêu cầu chung: Nhà thầu phải cung cấp bản cam kết có ký, đóng dấu hợp lệ thể hiện đầy đủ các nội dung cam kết như sau:

- Cam kết giao hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Thời gian bảo hành: \geq 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.
- Bản cam kết các thiết bị, hàng hóa chào thầu phải mới 100%, sản xuất năm 2021 trở về sau.

- Cam kết cung cấp đầy đủ các giấy tờ như sau khi thực hiện hợp đồng và khi có yêu cầu của Bên mời thầu: Giấy chứng nhận xuất xứ (CO)- nếu có, giấy chứng nhận chất lượng (CQ) – nếu có, tờ khai hải quan kèm bộ tài liệu chứng minh hàng hóa được thông quan hợp pháp. Các giấy tờ đều phải là bản gốc hoặc bản chụp có xác nhận của nhà thầu

+ Đối với hàng hóa sản xuất trong nước: Giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng, phiếu xuất kho hoặc phiếu bảo hành. Các giấy tờ đều phải là bản gốc hoặc bản chụp có xác nhận của nhà thầu.

1.3.3 Mẫu Bảng chào đáp ứng thông số kỹ thuật:

- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ thông tin của hàng hóa vào Bảng chào đáp ứng thông số kỹ thuật theo mẫu dưới đây và cung cấp file định dạng word kèm E-HSDT cùng bản in ký đóng dấu, hợp lệ.

- Nhà thầu sử dụng công cụ đánh dấu (highlight): tên hàng hóa, model, nội dung kỹ thuật chứng minh tính đáp ứng của hàng hóa tại các file tài liệu đính kèm để dễ tra cứu.

- Mẫu dưới đây dùng để phục vụ đánh giá về kỹ thuật hàng hóa chào thầu của nhà thầu. Yêu cầu nhà thầu phải điền đầy đủ và chính xác. Nhà thầu tự chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không làm đúng theo quy định. Việc nhà thầu cố tình kê khai thông tin không đúng với thông số kỹ thuật mà nhà sản xuất đã công bố nhằm mục đích vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu quy định tại khoản 4 Điều 89 Luật Đấu thầu và sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

BẢNG CHÀO ĐÁP ỨNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT

STT	Nội dung yêu cầu của E-HSMT	Nội dung E-HSDT	Tài liệu tham chiếu	Mã kê khai giá	Số lưu hành
1	Tên hàng hóa... Số lượng: _____	Tên hàng hóa... Model: _____ Hãng sản xuất: _____ Xuất xứ: _____	Ghi rõ tên model (theo quy định của nhà sản xuất), hãng sản xuất, xuất xứ hàng hóa	KKG...	
2	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu kỹ thuật			
	-		Ghi rõ tên tài liệu và số trang tham chiếu tại tài liệu kỹ thuật của từng thông số kỹ thuật		
	-				

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Lưu ý: các thông tin về cấu hình, tính năng kỹ thuật, dịch vụ của sản phẩm với mức giá kê khai trên Công thông tin điện tử Bộ Y tế phải phù hợp và tương ứng với cấu hình, tính năng kỹ thuật, dịch vụ của sản phẩm dự thầu tuân thủ các quy định tại Nghị định 98/2021/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Y tế tại Công văn số 1672/BYT-TB-CT ngày 01/4/2022 về việc triển khai thực hiện quy định kê khai, công khai giá trang thiết bị y tế.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm:

+ Địa điểm: Trung tâm Y tế huyện Cam Lâm, TDP Bãi Giếng Trung, TT Cam Đức, Cam Lâm, Khánh Hòa

+ Thời gian: Do hai bên thỏa thuận;

+ Nội dung kiểm tra: Kiểm tra toàn bộ hàng hóa theo yêu cầu của hợp đồng;

+ Chi phí tổ chức thực hiện: Do nhà thầu chịu.

- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án/dự toán]

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

- Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13;

- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định việc đấu thầu để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội, tổ chức chính trị- xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân;

- Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 về việc quản lý Trang thiết bị Y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP.

- Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 04/3/2023 về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế;

- Căn cứ Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Trung tâm Y tế Cam Lâm về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua Monitor sản khoa phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Cam;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

BÊN A: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CAM LÂM

Địa chỉ : TT. Cam Đức, Huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : 02583.983987 Fax: 02583.859214

Mã số thuế : 4201043360.

Số tài khoản : 3716.2.1097781.00000

Tại : Kho Bạc nhà nước huyện Cam Lâm.

Đại diện : **Bs. Nguyễn Đức Trí** Chức vụ: **Giám đốc**

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

BÊN B [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]:

Địa chỉ :

Điện thoại :, Fax:

Mã số thuế :

Số tài khoản :

Tại :

Đại diện :Chức vụ:

Giấy ủy : số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được quyền ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa và dịch vụ liên quan theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);

2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);

3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

4. Báo giá của Nhà thầu;

5. Bản yêu cầu báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ (nếu có);

6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ*].

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: chuyển khoản.

b) Thời hạn thanh toán:

- Bên mua thanh toán cho Bên bán 100% tổng giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm nghiệm thu, Biên bản thanh lý Hợp đồng và nhận đủ hóa đơn bán hàng từ bên B.

Điều 6. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ [*Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với nội dung nêu trong bản yêu cầu báo giá và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Tài liệu, chứng từ

Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn, chứng từ tài liệu sau _____ [*ghi tên các tài*

liệu, chứng từ cần có, ví dụ: hóa đơn giá trị gia tăng, chứng từ vận tải, giấy chứng nhận bảo hành của Nhà thầu hoặc nhà sản xuất, chứng nhận kiểm định của cơ quan kiểm định, danh mục hàng hóa đóng gói, giấy chứng nhận xuất xứ, giấy chứng nhận chất lượng...].

Chủ đầu tư phải nhận được các thông tin và chứng từ nêu trên trước khi hàng hóa đến địa điểm quy định, nếu không Nhà thầu sẽ phải chịu mọi chi phí phát sinh có liên quan.

Điều 9. Điều chỉnh hợp đồng

1. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:

a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư;

b) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;

c) Thay đổi địa điểm giao hàng;

d) Thay đổi dịch vụ liên quan.

2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại Mục 1 làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi, bổ sung hợp đồng. Yêu cầu của Nhà thầu về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày giao hàng hoặc ngày hoàn thành phải được tiến hành trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.

3. Trường hợp Nhà thầu cung cấp hàng hóa với phiên bản mới của cùng hãng sản xuất, có cùng xuất xứ, tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số... tương đương hoặc tốt hơn phiên bản hàng hóa Nhà thầu đề xuất trong báo giá và đáp ứng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá thì Nhà thầu phải thông báo trước bằng văn bản cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư xem xét. Trong trường hợp này, căn cứ nhu cầu sử dụng, Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu với điều kiện là đơn giá và các điều kiện khác của hợp đồng không thay đổi.

4. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp sửa đổi, bổ sung hợp đồng.

5. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 10. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày____/[Ghi ngày cho phù hợp]. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng cách nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam và là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo Mẫu quy định tại bản yêu cầu báo giá.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực như sau:

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng.
- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng theo quy định (theo thời gian thực hiện hợp đồng).

3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.

4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 30 ngày kể từ khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu

Điều 11. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm

a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:

(i) Nhà thầu không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định;

(ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;

(iii) Chủ đầu tư xác định Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện hợp đồng;

b) Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục này, Chủ đầu tư có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư các chi phí phụ trội phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.

2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán

Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.

Điều 12. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng

Trừ trường hợp bất khả kháng, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ 1% tổng giá trị hàng hóa nếu giao chậm trong 7 ngày. Mức khấu trừ tối đa: 5 % tổng giá trị hàng hóa giao chậm. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định của hợp đồng.

Điều 13. Tính hợp lệ của hàng hóa

Hàng hóa bàn giao phải có xuất xứ; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 14. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa:

- Bên bán phải đóng gói hàng hoá đảm bảo đến nơi giao nhận không hư hỏng, ẩm ướt, chầy xước, biến dạng..... và các tác động của môi trường.

- Địa điểm giao hàng: Hàng hóa được bàn giao tại Khoa Dược-TTB-VTYT, Trung tâm Y tế Cam Lâm (Đường Cù Chính Lan, Bãi Giếng Trung, TT Cam Đức, Cam Lâm,

Khánh Hòa).

2. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu.

Điều 15. Bảo hành

1. Nhà thầu bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu.

2. Nhà thầu bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Nhà thầu hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam.

3. Thời hạn bảo hành và địa điểm áp dụng bảo hành quy định: theo Quy định của nhà sản xuất nhưng không < 12 tháng. Địa điểm: Tại Trung tâm Y tế Cam Lâm.

4. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó.

5. Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn 72 giờ và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế.

6. Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa trong thời hạn quy định tại hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tự sửa chữa (nếu cần thiết). Nhà thầu phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan. Việc Chủ đầu tư tự sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa không ảnh hưởng đến các quyền khác của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu theo hợp đồng.

Điều 16. Giải quyết tranh chấp

Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện, khi có vướng mắc, hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản để

cùng giải quyết. Trường hợp một bên vi phạm gây thiệt hại cho phía bên kia thì phải có trách nhiệm bồi hoàn thiệt hại đã gây ra trên cơ sở của Bộ luật dân sự Nhà nước Việt Nam ban hành làm căn cứ và thực tế giá trị thiệt hại đã xảy ra. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng thì vụ việc sẽ được đưa ra Toà án kinh tế huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa để giải quyết. Quyết định của Toà án là quyết định cuối cùng và hai bên sẽ phải tuân thủ quyết định đó. Phí trọng tài và các phí khác do bên thua kiện chịu, trừ phi có thoả thuận nào khác.

Điều 17. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên bán giữ 02 bản, Bên mua giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN MUA
(BÊN A)

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
(BÊN B)

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số_____, ngày_____ tháng_____ năm_____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu báo giá, báo giá và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm phạm vi cung cấp, bảng giá và các nội dung cần thiết khác]

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên chủ đầu tư/bên mời thầu*]

(sau đây gọi là chủ đầu tư/bên mời thầu)

Theo đề nghị của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng thực hiện [*hàng hóa/xây lắp/dịch vụ phi tư vấn*] cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản yêu cầu báo giá (*hoặc hợp đồng*), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/bên mời thầu bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [*Ghi tên của ngân hàng*] có trụ sở đăng ký tại ____ [*Ghi địa chỉ của ngân hàng*]⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là ____ [*Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng*]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/bên mời thầu bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [*Ghi số tiền bảo lãnh*] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/bên mời thầu thông báo nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì bên mời thầu sẽ báo cáo chủ đầu tư/bên mời thầu xem xét, quyết định.

Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà

thầu trúng thầu gói thầu____ [*Ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số__ [*Ghi số hợp đồng*] ngày____ tháng____ năm____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.